| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẦN VĂN THỜI**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23-01-2025
V/v: "Tranh chấp Ly hôn"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lâm Thành Quang**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Lê Thanh Hiện**

2. Ông **Huỳnh Văn Tới**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Cẩm Hường** - Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 711/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 539/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **Lâm Thị Mỷ T**, sinh năm 1996, địa chỉ cư trú: Ấp I, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*2. Bị đơn*: Anh **Trần Bửu L**, sinh năm 1994, địa chỉ cư trú: Ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*(Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/** Nguyên đơn chị **Lâm Thị Mỷ T** trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và anh L xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2011, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định. Nay, nguyên đơn xác định mục đích hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Trần Thị Yến N, sinh ngày 07/7/2012 (giới tính: Nữ) và Trần Quốc T1, sinh ngày 31/01/2016 (giới tính: Nam), hiện cháu do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Nguyên đơn yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi cháu số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nợ: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

***/** Đối với bị đơn anh **Trần Bửu L**: Từ khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định*:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự:

Đối với Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, còn Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt đối với Nguyên đơn và Bị đơn là phù hợp.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Được xác định là "Tranh chấp về Ly hôn", do Bị đơn có nơi cư trú tại ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Từ đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân: Theo chị T xác định, giữa chị và anh L chung sống với nhau từ năm 2011, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L vắng mặt và cũng không có ý kiến gì về việc Nguyên đơn xin ly hôn. Đồng thời, căn cứ vào nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân xã K ngày 22/11/2024 tại Đơn xin xác nhận không có đăng ký kết hôn của chị T ngày 20/11/2024, xác nhận là giữa chị T và anh L không có đăng ký kết hôn. Do đó, có cơ sở để xác định về mặt hôn giữa chị T và anh L là có chung sống với nhau, nhưng đến nay giữa chị T và anh L chưa có đăng ký kết hôn theo quy định của nhà nước là thực tế, đã vi phạm về hình thức.

Nay, chị T cho rằng mục đích hôn nhân giữa chị và anh L không đạt được, yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân, đối với anh L vắng mặt nên không có cơ sở để xem xét.

Căn cứ các điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tiên, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị T xác định, giữa chị và anh L có chung là 02 người con là Trần Thị Yến N, sinh ngày 07/7/2012 (giới tính: Nữ) và Trần Quốc T1, sinh ngày 31/01/2016 (giới tính: Nam). Chị T xác định, hiện các cháu do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu đến tuổi trưởng thành.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "...; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/01/2025 thì các cháu đã trên 07 tuổi và dưới 18 tuổi, trường hợp này là phải ghi nhận nguyện vọng của các cháu.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của Toà án đối với cháu Yến N và cháu Quốc T1 ngày 19/12/2024, các cháu đều có nguyện vọng được sống chung với chị T.

Đối với anh L vắng mặt, nên không có cơ sở để xem xét.

Do đó, Hội đồng xét xử xét vì lợi ích của con chung, đảm bảo ổn định trong cuộc sống, cần giao cháu Yến N và cháu Quốc T1 cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phù hợp với khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, cũng phù hợp với yêu cầu của chị T.

[2.3] Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án, chị T có yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu đến tuổi trưởng thành với số tiền 1.500.000 đồng/tháng.

Đối với anh L vắng mặt, nên không có cơ sở để xem xét.

Xét, theo quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, ..., trong trường hợp không sống chung với con".

Do đó, việc chị T yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu, là có cơ sở chấp nhận.

Theo quy định tại các điều 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, quy định: "… Mức cấp dưỡng do Toà án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con". Như vậy, đối với

anh L hiện đang cư trú tại ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, thì nơi cư trú của anh L là thuộc vùng III, quy định mức lương tối thiểu vùng III là 3.860.000 đồng/tháng. Do đó, số tiền mà anh L phải cấp dưỡng nuôi 02 cháu được xác định là 2.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, chị L chỉ yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 02 cháu số tiền 1.500.000 đồng/tháng/1 cháu là mức tiền thấp hơn là ý chí tự nguyện của chị L, nên cần được chấp nhận. Về thời điểm cấp dưỡng, theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, quy định: "Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con chưa thành niên, …, … phát sinh kể từ thời điểm cha, mẹ không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con, …". Quá trình giải quyết vụ án, chị T không có yêu cầu cụ thể về thời điểm cấp dưỡng. Do đó, cần xác định thời điểm cấp dưỡng của anh L đối với cháu Yến N và cháu Quốc T1 được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/01/2025, việc cấp dưỡng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản, nợ: Chị T không có yêu cầu, còn anh L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] **Về án phí**:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, về án phí được xử lý như sau:

- Đối với chị T: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

- Đối với anh Linh: Anh phải nộp án phí cấp dưỡng số tiền 300.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ**: Các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 9, 14, 15, 53, 56, 57, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Tuyên xử**:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Mỷ T.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận giữa chị Lâm Thị Mỷ T và anh Trần Bửu L là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 07/7/2012 (giới tính: Nữ) và cháu Trần Quốc T1, sinh ngày 31/01/2016 (giới tính: Nam), cho chị Lâm Thị Mỷ T được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Yến N và cháu Quốc T1 đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/ Về cấp dưỡng:

Buộc anh Trần Bửu L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi:

- Cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 07/7/2012 (giới tính: Nữ).

- Cháu Trần Quốc T1, sinh ngày 31/01/2016 (giới tính: Nam).

Mỗi cháu số tiền 1.500.000 đồng – Một triệu năm trăm ngàn đồng/tháng, cho đến khi cháu Yến N và cháu Quốc T1 đủ 18 tuổi.

Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 23/01/2025.

Người được nhận tiền cấp dưỡng là chị Lâm Thị Mỷ T.

Kể từ ngày chị Lâm Thị Mỷ T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Bửu L không thi hành xong khoản tiền trên, anh Trần Bửu L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

4/ Về tài sản, nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

5/ Về án phí:

- Chị Lâm Thị Mỷ T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), đối trừ số tiền 300.000 đồng mà chị T đã dự nộp tại Biên lai thu 0005945 ngày 25/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay được chuyển thu đối trừ).

- Buộc anh Trần Bửu L phải nộp án phí cấp dưỡng số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

6/ Về quyền kháng cáo:

Chị Lâm Thị Mỷ T và anh Trần Bửu L được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

***Nơi nhận:***
- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Thành Quang**